TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG A XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DSST
Ngày: 27-6-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG A XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐHPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Ủy quyền cho ông Bùi Hữu T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà X, số 243A Y, phường M, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Bùi Hữu T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 13 tháng 10 năm 2011 ông (H) có cho anh Nguyễn Văn A vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hai tháng trả lãi một lần, thời gian vay là 12 tháng. Mục đích anh A vay tiền là để chi tiêu. Số tiền trên là tiền riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị N và các con ông. Việc ông cho anh A vay tiền vợ anh A không biết và không có liên quan gì. Đến thời hạn trả nợ, ông đi lại đòi nhiều lần nhưng anh A không trả. Từ khi vay đến nay anh A chưa trả cho ông được đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Nay ông yêu cầu anh A trả cho ông số tiền gốc đã vay là 30.000.00đ (ba

mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày vay 13/10/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất cơ bản ngân hàng nhà nước là 9%/năm.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 13 tháng 10 năm 2011 anh có vay ông H số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền, về lãi suất, thời gian vay, mục đích vay tiền như ông H trình bày là đúng. Số tiền vay của ông H, anh vay làm ăn riêng không liên quan đến vợ anh là chị Tạ Thị K (đã ly hôn năm 2017) và các con. Đến hạn trả nợ, ông H có đòi anh nhiều lần nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, anh chưa trả được. Đến nay anh chưa trả cho ông H được đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Nay anh đồng ý trả cho ông H số tiền vay gốc là: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi theo yêu cầu của ông H. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về thời hiệu của hợp đồng vay tài sản trên. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dụng: Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Buộc anh Nguyễn Văn A phải có N vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), và tiền lãi là: 20.805.000đ (hai mươi triệu tám trăm linh năm nghìn đồng). Tổng số tiền vay gốc và tiền lãi là: 50.805.000đ (năm mươi triệu tám trăm linh năm nghìn đồng).

- Về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự trong vụ án, nhưng tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn A vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. *Về thời hiệu:* Ngày 13 tháng 10 năm 2011, ông Nguyễn Văn H có cho anh Nguyễn Văn A vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng. Đến hạn trả nợ, ông H đã đòi nhiều lần nhưng anh A chưa trả. Ông H đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Ngày 07/12/2018, Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản". Tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa án, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu; bị đơn thừa nhận toàn bộ N vụ của mình và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án.

[4]. *Về nội dung:* Do có mối quan hệ quen biết, ngày 13 tháng 10 năm 2011, ông Nguyễn Văn H có cho anh Nguyễn Văn A vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có lập văn bản, thỏa thuận lãi suất là

3%/tháng, thời gian vay là 12 tháng. Mục đích anh A vay là để chi tiêu cá nhân. Đến thời hạn trả nợ, anh A không trả. Từ khi vay đến nay, anh A chưa trả được ông H được đồng tiền gốc và lãi suất nào. Nay ông H yêu cầu anh A trả cho ông số tiền gốc đã vay là 30.000.00đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày vay 13/10/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2019, theo lãi suất cơ bản ngân hàng nhà nước là 9%/ năm.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn là anh Nguyễn Văn A cũng đồng ý với yêu cầu của ông H. Do đó, cần buộc anh Nguyễn Văn A phải trả ông Nguyễn Văn H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền gốc đã vay và tiền lãi tính từ ngày 13/10/2011 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 27/6/2019 là: 07 năm 08 tháng 14 ngày x 9%/năm (30.000.000đ x 9% x 07 năm = 18.900.000đ + 30.000.000đ x 9%/năm (0,75%/tháng) x 08 tháng= 1.800.000đ + 30.000.000đ x 0,9%/ năm x 14 ngày = 105.000đ) = 20.805.000đ (hai mươi triệu tám trăm linh năm nghìn đồng). Tổng số tiền anh Nguyễn Văn A phải trả cho ông Nguyễn Văn H là 30.000.000đ tiền gốc + 20.805.000đ tiền lãi = 50.805.000đ (năm mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn đồng).

[5]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện N vụ trả tiền, lãi suất: Trường hợp anh Nguyễn Văn A có N vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS năm 2015.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc anh Nguyễn Văn A phải có N vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là: 20.805.000đ (hai mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn đồng). Tổng số tiền anh Hào phải trả ông H là: 50.805.000đ(năm mươi triệu, tám trăm linh năm nghìn đồng).

Trường hợp anh A có N vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 10%/năm.

2. Về án phí*:* Anh Nguyễn Văn A phải chịu 2.540.000đ (hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số 750.000đ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số:

AA/2017/0003594 ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Nam;
- THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Huân